

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2014 ĐẾN 30/6/2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Chen Hui Zun	Chủ tịch
Ông Lee Mo Ting	Thành viên
Ông Tsai Ching Feng	Thành viên
Bà Đàm Thị Vân Anh	Thành viên
Ông Hung Kuang Ching	Thành viên / Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Ông Tseng Sen Hsien	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Linh	Thành viên
Bà Trần Thanh Thiệt	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/5/2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



HUNG KUANG CHING
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Số: 81/DFK-HCM

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gạch men Chang Yih

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 được trình bày từ trang 4 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Chúng tôi thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hồ Đặc Hiếu

Phó Giám đốc


Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0458-2013-042-1

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam



Lê Đình Huyền

Kiểm toán viên

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 1756-2013-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		260.119.383.285	227.871.958.425
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.957.058.427	11.711.650.221
1. Tiền	111		5.957.058.427	11.711.650.221
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	29.506.891.045	25.422.446.314
1. Phải thu khách hàng	131		30.985.860.215	35.441.977.412
2. Trả trước cho người bán	132		7.537.087.198	7.096.328.873
5. Các khoản phải thu khác	135		9.383.047.449	1.283.243.846
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(18.399.103.817)	(18.399.103.817)
III. Hàng tồn kho	140	6	214.350.262.989	181.263.655.892
1. Hàng tồn kho	141		229.376.809.269	196.290.202.172
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.026.546.280)	(15.026.546.280)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.305.170.824	9.474.205.998
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	7.457.392.944	7.190.989.412
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	565.488.084
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		712.061.794	673.218.968
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.135.716.086	1.044.509.534
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108.122.951.484	96.785.611.593
I. Tài sản cố định	220		96.550.883.941	88.851.017.279
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	80.140.908.402	81.345.921.032
Nguyên giá	222		291.000.371.119	291.359.780.254
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(210.859.462.717)	(210.013.859.222)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	16.409.975.539	7.505.096.247
II. Tài sản dài hạn khác	260		11.572.067.543	7.934.594.314
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	11.572.067.543	7.934.594.314
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		368.242.334.769	324.657.570.018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 01-DN
ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		255.904.762.645	208.120.599.303
I. Nợ ngắn hạn	310		179.566.122.645	132.378.359.303
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	69.745.002.621	51.471.017.275
2. Phải trả người bán	312	12	79.705.076.818	56.466.401.409
3. Người mua trả tiền trước	313		13.052.819.980	11.328.541.139
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	91.565.253	779.984.583
5. Phải trả công nhân viên	315		2.986.413.377	2.792.617.670
6. Chi phí phải trả	316	14	2.236.367.790	8.922.379.585
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	11.748.876.806	617.417.642
II. Nợ dài hạn	330		76.338.640.000	75.742.240.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	76.338.640.000	75.742.240.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.337.572.124	116.536.970.715
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	112.337.572.124	116.536.970.715
1. Vốn điều lệ	411		90.478.550.000	90.478.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		829.809.325	829.809.325
4. Cổ phiếu quỹ	414		(18.309.325)	(18.309.325)
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		21.047.522.124	25.246.920.715
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		368.242.334.769	324.657.570.018

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh		
		30/6/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		6.694.708.380	6.694.708.380
Ngoại tệ các loại: + (USD)		245.520,92	386.776,08
+ (EUR)		789	-



HUNG KUANG CHING

Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

LÊ THỊ MỸ DUNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC

Lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MẪU B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng	01		156.631.257.457	183.423.235.856
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(40.158.682)	(31.367.659)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>			-	(10.216.732)
<i>Giảm giá hàng bán</i>			(40.158.682)	(21.150.927)
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	19	156.591.098.775	183.391.868.197
4. Giá vốn hàng bán	11	20	(139.907.790.730)	(152.859.858.930)
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.683.308.045	30.532.009.267
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	144.244.872	481.362.002
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	22	(5.231.749.744)	(5.525.399.406)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(3.927.372.467)	(4.064.841.786)
8. Chi phí bán hàng	24	23	(6.080.990.645)	(6.610.344.381)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	(7.119.892.839)	(11.260.155.870)
10. Lãi/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		(1.605.080.311)	7.617.471.612
11. Thu nhập khác	31		3.160.829.000	1.329.282.784
12. Chi phí khác	32		(5.755.147.280)	(543.846.969)
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác	40	25	(2.594.318.280)	785.435.815
14. Lãi/ (Lỗ) kế toán trước thuế	50		(4.199.398.591)	8.402.907.427
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	27	-	(1.260.436.114)
16. Lãi/ (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.199.398.591)	7.142.471.313
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61		(464)	790



HUNG KUANG CHING
 Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 8 năm 2014

LÊ THỊ MỸ DUNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC
 Lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
I, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1, Lãi trước thuế	01	(4.199.398.591)	8.402.907.427
2, Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.531.483.569	7.783.208.360
Các khoản dự phòng	03	-	12.560.743.760
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	04	1.298.380.912	1.153.344.944
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.447.749.506	(7.738.432)
Chi phí lãi vay	04	3.927.372.467	4.064.841.786
3, Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.005.587.863	33.957.307.845
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(5.237.586.937)	(13.611.860.554)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(33.086.607.097)	(24.601.189.485)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	32.303.256.124	20.416.469.610
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.711.262.233)	(759.412.593)
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.293.150.153)	(2.851.732.255)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.023.700.442)	(184.402.888)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.043.462.875)	12.365.179.680
II, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1, Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.880.686.805)	(5.369.859.094)
7, Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	8.972.540	7.738.432
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.871.714.265)	(5.362.120.662)
III, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
3, Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	111.258.697.484	128.468.345.158
4, Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(93.098.112.138)	(138.595.900.421)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	18.160.585.346	(10.127.555.263)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.754.591.794)	(3.124.496.245)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.711.650.221	4.187.567.859
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.957.058.427	1.063.071.614



HÙNG KUANG CHING
 Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 8 năm 2014

LÊ THỊ MỸ DUNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC
 Lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (“Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033000269 ngày 19 tháng 10 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp (thay thế cho Giấy phép Đầu tư số 52/GP-KCN-ĐN ngày 01 tháng 9 năm 2000 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp và Giấy phép Đầu tư số 52CPH/GP-KCN-ĐN ngày 06 tháng 02 năm 2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp). Thời gian hoạt động của Công ty là 47 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2000.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 06 tháng 02 năm 2006 theo Giấy phép số 51/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 6 năm 2005 do Chủ tịch UBCK Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 468 người (01/01/2014: 416 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại gạch men và gạch mỹ thuật trang trí chất lượng cao; xây dựng công trình dân dụng.

Trụ sở của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu, các khoản đầu tư và các tài sản tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn dưới 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-10
Máy móc, thiết bị	05-12

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, công trình showroom và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các khoản chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian: công cụ, dụng cụ: 12 tháng; công trình showroom: 10 năm; và chi phí sửa chữa TSCĐ: từ 18 - 48 tháng.

Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	75.409.959	3.575.962
Tiền gửi ngân hàng	5.881.648.468	11.688.197.219
+ VND	674.148.701	3.553.940.783
+ Ngoại tệ	5.207.499.767	8.134.256.436
Tiền đang chuyển	-	19.877.040
	<u><u>5.957.058.427</u></u>	<u><u>11.711.650.221</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIHKhu Công nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng	30.985.860.215	35.441.977.412
+ khách hàng nước ngoài	3.830.509.327	10.670.240.688
+ khách hàng trong nước	27.155.350.888	24.771.736.724
Trả trước cho người bán	7.537.087.198	7.096.328.873
+ khách hàng nước ngoài	5.369.296.336	4.752.425.780
+ khách hàng trong nước	2.167.790.862	2.343.903.093
Phải thu khác	9.383.047.449	1.283.243.846
	<u>47.905.994.862</u>	<u>43.821.550.131</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn	<u>(18.399.103.817)</u>	<u>(18.399.103.817)</u>
	<u>29.506.891.045</u>	<u>25.422.446.314</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	-	1.425.000
Nguyên vật liệu	37.637.568.943	33.630.498.916
Công cụ dụng cụ	377.719.648	377.719.648
Chi phí sản xuất dở dang	5.961.854.198	5.920.774.937
Thành phẩm	185.399.666.480	156.359.783.671
	<u>229.376.809.269</u>	<u>196.290.202.172</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(15.026.546.280)</u>	<u>(15.026.546.280)</u>
	<u>214.350.262.989</u>	<u>181.263.655.892</u>

Một phần thành phẩm tồn kho trị giá 80.000.000.000 VNĐ của Công ty đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch (trình bày tại Thuyết minh số 11).

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01	7.190.989.412	4.290.836.181
Tăng trong kỳ	13.404.420.367	12.643.660.607
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(13.138.016.835)	(9.068.190.974)
Kết chuyển sang Chi phí trả trước dài hạn	-	-
Số dư tại ngày 30/6	<u>7.457.392.944</u>	<u>7.866.305.814</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIHKhu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa & vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	75.994.048.216	210.714.088.887	3.990.383.054	661.260.097	291.359.780.254
Tăng	51.599.700	8.920.311.467	811.281.818	-	9.783.192.985
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	(10.142.602.120)	-	-	(10.142.602.120)
Tại ngày 30/6/2014	<u>76.045.647.916</u>	<u>219.634.400.354</u>	<u>4.801.664.872</u>	<u>661.260.097</u>	<u>291.000.371.119</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	(25.940.470.420)	(180.794.969.631)	(2.762.226.910)	(516.192.261)	(210.013.859.222)
Khấu hao trong năm	(1.396.065.591)	(3.982.580.919)	(130.956.740)	(21.880.319)	(5.531.483.569)
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	4.685.880.074	-	-	4.685.880.074
Tại ngày 30/6/2014	<u>(27.336.536.011)</u>	<u>(180.091.670.476)</u>	<u>(2.893.183.650)</u>	<u>(538.072.580)</u>	<u>(210.859.462.717)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	<u>50.053.577.796</u>	<u>29.919.119.256</u>	<u>1.228.156.144</u>	<u>145.067.836</u>	<u>81.345.921.032</u>
Tại ngày 30/6/2014	<u>48.709.111.905</u>	<u>39.542.729.878</u>	<u>1.908.481.222</u>	<u>123.187.517</u>	<u>80.140.908.402</u>

Như trình bày tại các Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp một phần nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị có giá trị còn lại là 74.582.097.476 VNĐ để đảm bảo cho các khoản nợ vay tại ngân hàng.

Tài sản cố định của Công ty bao gồm một số máy móc, thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 161.379.578.468 VNĐ.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2014 VND	2013 VND
Số dư tại ngày 01/01	7.505.096.247	144.085.076
Tăng trong kỳ	16.068.220.571	4.865.140.419
Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	(6.970.726.751)	(2.322.217.860)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(192.614.528)	(2.224.876.329)
Giảm khác	-	(80.691.896)
Số dư tại ngày 30/6	<u>16.409.975.539</u>	<u>381.439.410</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2014 VND	2013 VND
Số dư tại ngày 01/01	7.934.594.314	6.133.300.153
Tăng trong kỳ	6.658.838.505	2.282.142.632
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(3.021.365.276)	(2.519.181.838)
Giảm khác	-	-
Số dư tại ngày 30/6	<u>11.572.067.543</u>	<u>5.896.260.947</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Nhơn Trạch	58.272.162.621	36.535.457.275
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.472.840.000	14.935.560.000
<i>Công ty TNHH Chyih Investment</i>	<i>11.472.840.000</i>	<i>14.935.560.000</i>
	<u>69.745.002.621</u>	<u>51.471.017.275</u>

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Nhơn Trạch theo hình thức tín dụng thư. Khoản vay này có thể rút bằng VND hoặc USD với hạn mức tối đa là 100.000.000.000 VND và sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Khoản vay này chịu lãi suất theo lãi suất hiện hành của Ngân hàng Vietcombank. Lãi vay được thanh toán hàng tháng. Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị và một phần thành phẩm tồn kho để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 6 và 8).

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả khách hàng:		
+ Nhà cung cấp nước ngoài	28.050.306.301	17.087.532.049
+ Nhà cung cấp trong nước	51.654.770.517	39.378.869.360
	<u>79.705.076.818</u>	<u>56.466.401.409</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	718.943.639
Thuế Thu nhập cá nhân	91.565.253	61.040.944
	<u>91.565.253</u>	<u>779.984.583</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí hao bẻ, hỗ trợ khách hàng	752.869.575	2.084.066.637
Chi phí lãi vay phải trả	1.483.498.215	5.519.823.554
Chi phí khác	-	1.318.489.394
	<u>2.236.367.790</u>	<u>8.922.379.585</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	132.846.357	132.846.357
Kinh phí công đoàn	106.993.700	14.385.925
Bảo hiểm xã hội	136.557.144	63.494.950
Phải trả khác	11.372.479.605	406.690.410
	<u>11.748.876.806</u>	<u>617.417.642</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIHKhu Công nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ông Chen Hui Zun	16.000.000.000	16.000.000.000
Công ty Chyih Investment Co., Ltd.	60.338.640.000	59.742.240.000
	76.338.640.000	75.742.240.000

Khoản vay cá nhân Ông Chen Hui Zun theo hợp đồng vay vốn cá nhân ngày 01 tháng 8 năm 2012, thời hạn vay là 60 tháng, khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31/7/2017 với lãi suất là 14,5%/năm.

Khoản vay 4.000.000,00 USD từ Công ty Chyih Investment Co., Ltd. theo Hợp đồng CYI/TL/05/01 ngày 10 tháng 7 năm 2001 và Phụ lục Hợp đồng PL201305/CYI/TL/05/01 ngày 12/5/2013 với lãi suất 3%/năm để bổ sung vốn hoạt động, thời hạn vay từ 13/5/2013 đến 12/5/2018. Khoản vay này đã đăng ký và được chấp thuận bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Công văn số 1644/CV-QLNH ngày 08 tháng 11 năm 2001 và Công văn số 600/NHNN-ĐNA1 ngày 06 tháng 6 năm 2013 bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	11.472.840.000	14.935.560.000
Trong năm thứ hai	15.235.303.810	14.935.560.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	61.103.336.190	60.806.680.000
Sau năm năm	-	-
	87.811.480.000	90.677.800.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(11.472.840.000)	(14.935.560.000)
Số phải trả sau 12 tháng	76.338.640.000	75.742.240.000

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	15.635.338.904	106.925.388.904
Lợi nhuận	-	-	-	9.611.641.811	9.611.641.811
Cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(60.000)	(60.000)
Tại ngày 01/01/2014	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	25.246.920.715	116.536.970.715
Lợi nhuận	-	-	-	(4.199.398.591)	(4.199.398.591)
Cổ tức	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2014	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	21.047.522.124	112.337.572.124

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

18. CỔ PHIẾU

	30/6/2014	01/01/2014
<i>Cổ phiếu</i>	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.047.855	9.047.855
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.047.855	9.047.855
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.430	1.430
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.430	1.430
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.046.425	9.046.425
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.046.425	9.046.425
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. DOANH THU

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu xuất khẩu	53.286.164.630	110.766.759.269
- Doanh thu nội địa	103.345.092.827	72.656.476.587
	<u>156.631.257.457</u>	<u>183.423.235.856</u>
Các khoản giảm trừ		
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	(10.216.732)
- Giảm giá hàng bán	(40.158.682)	(21.150.927)
	<u>156.591.098.775</u>	<u>183.391.868.197</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng bán		
Trong đó:		
- Giá vốn của thành phẩm	139.907.790.730	147.033.187.015
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	5.826.671.915
	<u>139.907.790.730</u>	<u>152.859.858.930</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.972.540	7.738.432
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.545.984	72.125.499
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	129.726.348	401.498.071
	<u>144.244.872</u>	<u>481.362.002</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	3.927.372.467	4.064.841.786
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.303.926.896	1.225.470.443
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	450.381	235.087.177
	<u>5.231.749.744</u>	<u>5.525.399.406</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lương nhân viên	858.496.714	566.410.332
Chi phí vật liệu, bao bì	1.122.566.960	1.063.712.212
Chi phí khấu hao	-	32.803.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.467.281.284	4.070.184.574
Chi phí khác bằng tiền	632.645.687	877.233.457
	<u>6.080.990.645</u>	<u>6.610.344.381</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí Nhân viên quản lý	3.991.132.745	2.099.937.351
Chi phí dự phòng	-	6.734.071.845
Chi phí đồ dùng văn phòng	556.028.418	308.380.288
Chi phí khấu hao TSCĐ	339.674.435	331.706.706
Thuế, phí và lệ phí	319.115.749	27.858.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.028.548.410	1.548.268.221
Chi phí khác	885.393.082	209.932.756
	<u>7.119.892.839</u>	<u>11.260.155.870</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIHKhu Công nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Thu từ thanh lý nguyên vật liệu	1.920.909.091	167.533.500
Hoàn thuế nhập khẩu	806.400.212	501.902.575
Xử lý công nợ	-	32.961.759
Khác	433.519.697	626.884.950
Thu nhập khác	3.160.829.000	1.329.282.784
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	(5.802.404)	(472.039.013)
Giá trị còn lại của Tài sản cố định hủy	(5.456.722.046)	-
Xử lý công nợ	-	(68.885.607)
Khác	(292.622.830)	(2.922.349)
Chi phí khác	(5.755.147.280)	(543.846.969)
Lợi nhuận/ (Lỗ) khác	(2.594.318.280)	785.435.815

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	140.592.903.176	141.977.309.685
Chi phí nhân công	21.518.529.370	14.460.773.085
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.531.483.569	7.416.097.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.773.462.641	11.177.771.267
Chi phí khác	1.577.465.249	42.566.546
185.993.844.005	175.074.518.431	

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện	(4.199.398.591)	8.402.907.427
Lợi nhuận trước thuế		
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Trừ: Lỗ năm trước chuyển qua	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	(4.199.398.591)	8.402.907.427
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
<i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp hiện hành</i>	-	1.260.436.114
<i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.260.436.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.957.058.427	11.711.650.221
Các khoản phải thu	47.905.994.862	43.821.550.131
Đầu tư dài hạn	-	-
Tổng cộng	53.863.053.289	55.533.200.352
Công nợ tài chính		
Các khoản vay:	146.083.642.621	127.213.257.275
+ Ngắn hạn	69.745.002.621	51.471.017.275
+ Dài hạn	76.338.640.000	75.742.240.000
Phải trả người bán và phải trả khác	91.453.953.624	57.083.819.051
Chi phí phải trả	2.236.367.790	8.922.379.585
Tổng cộng	239.773.964.035	193.219.455.911

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá ngoại hối trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức thấp...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc USD như sau:

	Ngoại tệ	
	30/6/2014	01/01/2014
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	245.521	386.776
Các khoản phải thu	180.293	507.237
Đầu tư dài hạn	-	-
Tổng cộng	425.814	894.013
Công nợ tài chính		
Các khoản vay:	4.659.281	4.310.601
+ Ngắn hạn	1.066.198	710.000
+ Dài hạn	3.593.083	3.600.601
Phải trả người bán và phải trả khác	1.320.263	812.299
Chi phí phải trả	69.825	262.399
Tổng cộng	6.049.369	5.385.299

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIHKhu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại 30/6/2014			
Các khoản vay	69.745.002.621	76.338.640.000	146.083.642.621
Phải trả người bán và phải trả khác	91.453.953.624	-	91.453.953.624
Chi phí phải trả	2.236.367.790	-	2.236.367.790
Cộng	163.435.324.035	76.338.640.000	239.773.964.035
Tại 01/01/2014			
Các khoản vay	51.471.017.275	75.742.240.000	127.213.257.275
Phải trả người bán và phải trả khác	57.083.819.051	-	57.083.819.051
Chi phí phải trả	8.922.379.585	-	8.922.379.585
Cộng	117.477.215.911	75.742.240.000	193.219.455.911
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại 30/6/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.957.058.427	-	5.957.058.427
Các khoản phải thu	47.905.994.862	-	47.905.994.862
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	53.863.053.289	-	53.863.053.289
Tại 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.711.650.221	-	11.711.650.221
Các khoản phải thu	43.821.550.131	-	43.821.550.131
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	55.533.200.352	-	55.533.200.352

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Trả nợ vay dài hạn		
Công ty Chyih Investment Co., Ltd.	3.576.120.000	-
Lãi vay dài hạn phải trả		
Công ty Chyih Investment Co., Ltd.	1.096.824.816	1.674.560.000
Ông Chen Hui Zun	1.159.999.998	1.159.999.998
Số dư với các bên liên quan:		
	30/6/2014	01/01/2014
Các khoản phải trả Chyih Investment Co., Ltd.	VND	VND
+ Lãi vay phải trả	1.290.164.882	5.326.490.221
+ Vay dài hạn phải trả	71.811.480.000	74.677.800.000
Các khoản phải trả Ông Chen Hui Zun	VND	VND
+ Lãi vay phải trả	193.333.333	193.333.333
+ Vay dài hạn phải trả	16.000.000.000	16.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.790.517.273	1.772.819.418
Trong năm thứ hai	1.790.517.273	1.772.819.418
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.371.551.819	5.318.458.254
Sau năm thứ năm	48.045.546.826	49.343.472.048
	<u>56.998.133.191</u>	<u>58.207.569.138</u>

Công ty hàng năm phải trả tiền thuê đối với diện tích 102.775 m2 tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch với giá thuê 0,82 USD/m2/năm theo quy định tại Hợp đồng thuê lại đất số 985/CT-ĐT ngày 25/10/2000, Phụ lục số 97/CT-KHĐT ngày 20/01/2005 và Phụ lục số 1226/CT-ĐT-PLHĐ ngày 03/12/2005.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



HUNG KUANG CHING

Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

LÊ THỊ MỸ DUNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC

Lập biểu



Công ty Kiểm toán DFK Việt Nam - Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế DFK
DFK Việt Nam Auditing Company - A Member of DFK International

Ho Chi Minh Office

No. 38/8 Lam Son, Tan Binh Dist
Tel: 84 8 6296 8684
Fax: 84 8 6296 8679
Web: www.dfkvietnam.com

Ha Noi Office

Level 25, M3-M4 Building
No. 91, Nguyen Chi Thanh Street
Dong Da District, Hanoi City
Tel: 84 4 6266 3006

Binh Duong Office

No. 127 Huynh Van Luy, Ward Phu Loi
Thu Dau Mot City, Binh Duong Province
T: 84 650 3897 292 - F: 84 650 3897 149
Email: bd@dfkvietnam.com

Rep. Office in Ho Chi Minh

No. 426 Cao Thang, District 10
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 08 3868 3306/07
Fax: 08 3868 3378